

KT3-06260BTP7

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

08/11/2017
Page 01/02

1. Tên mẫu : ĐƯỜNG TINH LUYỆN VITAMIN A
Name of sample
2. Mô tả mẫu : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp./ *Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.*
Sample description
Mẫu còn nguyên bao bì và nhãn hiệu.
As received sample is intact package and label.
3. Số lượng mẫu : 01
Quantity
4. Ngày nhận mẫu : 31/10/2017
Date of receiving
5. Thời gian thử nghiệm : 01/11/2017 – 08/11/2017
Testing duration
6. Nơi gửi mẫu : CÔNG TY TNHH MTV ĐƯỜNG TTC BIÊN HÒA – ĐỒNG NAI
Customer
KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Tp. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
7. Kết quả thử nghiệm : Xem trang / *See page 02/02*
Test results

TRƯỞNG PTN THỰC PHẨM
HEAD OF FOOD TESTING LAB



Nguyễn Thành Công

TL. GIÁM ĐỐC / PP. DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM/
HEAD OF TESTING LAB.



Phạm Thanh Trung

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến./ *Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.*
2. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written approval of Quatest 3.
3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu./ *Name of sample and customer are written as customer's request.*
4. Độ không đảm bảo đo mở rộng ước lượng được tính với $k = 2$, mức tin cậy 95 %. Khách hàng có thể liên hệ theo địa chỉ dưới để biết thêm thông tin.
Estimated expanded uncertainty of measurement with $k = 2$, at 95 % confidence level. Please contact Quatest 3 at the below address for further information.

N/A: không áp dụng.
Not applicable

Head Office: 49 Pasteur, Q1, Hồ Chí Minh City, VIỆT NAM Tel: (84-28) 3829 4274 Fax: (84-28) 3829 3012 Website: www.quatest3.com.vn
Testing: 7 Road 1, Biên Hòa 1 Industrial Zone, Đồng Nai Tel: (84-251) 383 6212 Fax: (84-251) 383 6298 E-mail: tn-cskh@quatest3.com.vn

7. Kết quả thử nghiệm
Test results



Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test result
7.1. Trạng thái bên ngoài/ Appearance	Theo yêu cầu khách hàng/ According to customer's request	Tinh thể tương đối đồng đều, toi khô, không vón cục Equal crystals, dry, no curdle
7.2. Màu sắc/ Color	Theo yêu cầu khách hàng/ According to customer's request	Tinh thể có màu trắng đến trắng sáng, khi pha trong nước cất, dung dịch đường đục nhẹ White crystals, dull light solution when add water
7.3. Mùi vị/ Odor & taste	Theo yêu cầu khách hàng/ According to customer's request	Tinh thể đường cũng như dung dịch đường trong nước cất có vị ngọt, không có mùi lạ, vị lạ Crystals and solution sugar is sweet taste, free from foreign odor and taste
7.4. Hàm lượng sacaroza tính theo khối lượng, % Sucrose content (m/m)	Foodstuffs - EC 1994 (p.552)	99,9
7.5. Hàm lượng đường khử tính theo khối lượng, % Reducing sugars content (m/m)	GS 2/9 - 6 (2007) ICUMSA 2007	0,008
7.6. Hàm lượng tro dẫn điện tính theo khối lượng, % Conductivity ash (m/m)	GS 2/3 - 17 (2002) ICUMSA 2007	0,02
7.7. Độ ẩm tính theo khối lượng, % Moisture content (m/m)	GS 2/1/3/9 - 15 (2007) ICUMSA 2007	0,02
7.8. Hàm lượng carbohydrate tính theo khối lượng, % Carbohydrate content (m/m)	U.S. FDA 21 CFR 101.9	100,0
7.9. Năng lượng/ Calories • kcal/100 g	QTTN/ KT3 024 : 2005	400

KT3 – 01990BVS7

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

22/09/2017
 Page 01/01

1. Tên mẫu : ĐƯỜNG TINH LUYỆN VITAMIN A
Name of sample
2. Mô tả mẫu : Mẫu còn nguyên bao bì nhãn hiệu./As received sample is intact package and brand
Sample description
 Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp./ Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.
3. Số lượng mẫu : 01 (01 kg)
Quantity
4. Ngày nhận mẫu : 14/09/2017
Date of receiving
5. Thời gian thử nghiệm : 15/09/2017 – 22/09/2017
Testing duration
6. Nơi gửi mẫu : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA
Customer
 Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
7. Kết quả thử nghiệm :
Test results

Tên chỉ tiêu <i>Characteristic</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>	Kết quả thử nghiệm <i>Test result</i>
7.1. Tổng số vi khuẩn hiếu khí <i>Total bacteria count</i>	CFU/g GS 2/3 – 43 (1998) - ICUMSA 2007	< 10 ^(*)
7.2. Coliforms, <i>Coliforms</i>	CFU/g ISO 4832 : 2006	< 10 ^(*)
7.3. <i>Escherichia coli</i> ,	CFU/g ISO 16649 – 2 : 2001	< 10 ^(*)
7.4. <i>Staphylococcus aureus</i> ,	CFU/g AOAC 2016 (975.55)	< 10 ^(*)
7.5. <i>Clostridium perfringens</i> ,	CFU/g ISO 7937 : 2004	< 10 ^(*)
7.6. <i>Bacillus cereus</i> giả định,	CFU/g ISO 7932 : 2004	< 10 ^(*)
7.7. <i>Salmonella</i> spp./25 g	ISO 6579 : 2002/Amd.1 : 2007	Âm tính/Negative

Ghi chú/Notice: (*) Theo phương pháp thử, kết quả được biểu thị nhỏ hơn 10 CFU/g khi không có khuẩn lạc mọc trên đĩa.
 According to the test method, the result is expressed as less than 10 CFU/g when the dish contains no colony

PHỤ TRÁCH PTN VI SINH - GMO
HEAD OF MICROBIOLOGY - GMO TESTING LAB.



Trần Thị Ánh Nguyệt

TL. GIÁM ĐỐC/ PP. DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
HEAD OF TESTING LAB.



Phan Thanh Trung

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến./ Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.
 2. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
 This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written approval of Quatest 3.
 3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu./ Name of sample and customer are written as customer's request.
 4. Độ không đảm bảo đo mở rộng ước lượng được tính với k = 2, mức tin cậy 95 %. Khách hàng có thể liên hệ theo địa chỉ dưới để biết thêm thông tin.
 Estimated expanded uncertainty of measurement with k = 2, at 95 % confidence level. Please contact Quatest 3 at the below address for further information.

N/A: không áp dụng.
 Not applicable

KT3-05214BTP7/2

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

22/09/2017
Page 01/01

1. Tên mẫu
Name of sample : ĐƯỜNG TINH LUYỆN VITAMIN A
2. Mô tả mẫu
Sample description : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp. / *Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.*
Mẫu còn nguyên bao bì và nhãn hiệu.
As received sample is intact package and brand.
3. Số lượng mẫu
Quantity : 01
4. Ngày nhận mẫu
Date of receiving : 14/09/2017
5. Thời gian thử nghiệm
Testing duration : 15/09/2017 - 22/09/2017
6. Nơi gửi mẫu
Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA
KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Tp. Biên Hòa, Đồng Nai
7. Kết quả thử nghiệm
Test results :

Tên chỉ tiêu <i>Characteristic</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>	Kết quả thử nghiệm <i>Test result</i>
7.1. Hàm lượng vitamin A, <i>Vitamine A content</i> µg retinol/ g	AOAC 2012 (2001.13)	16,5

TRƯỞNG PTN THỰC PHẨM
HEAD OF FOOD TESTING LAB.



Nguyễn Thành Công

TL. GIÁM ĐỐC/ PP. DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM /
HEAD OF TESTING LAB.



Phan Thanh Trung

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến. / *Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.*
2. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written approval of Quatest 3.
3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample and customer are written as customer's request.*
4. Độ không đảm bảo đo mở rộng ước lượng được tính với $k = 2$, mức tin cậy 95 %. Khách hàng có thể liên hệ theo địa chỉ dưới để biết thêm thông tin.
Estimated expanded uncertainty of measurement with $k = 2$, at 95 % confidence level. Please contact Quatest 3 at the below address for further information.

N/A: không áp dụng.
Not applicable

KT3-05214BTP7/3

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

22/09/2017
Page 01/02

1. Tên mẫu : ĐƯỜNG TINH LUYỆN VITAMIN A
Name of sample
2. Mô tả mẫu : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp. / Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.
Sample description Mẫu còn nguyên bao bì và nhãn hiệu.
As received sample is intact package and brand.
3. Số lượng mẫu : 01
Quantity
4. Ngày nhận mẫu : 14/09/2017
Date of receiving
5. Thời gian thử nghiệm : 15/09/2017 - 22/09/2017
Testing duration
6. Nơi gửi mẫu : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA
Customer KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Tp. Biên Hòa, Đồng Nai
7. Kết quả thử nghiệm : Xem trang / See page 02/02
Test results

TRƯỞNG PTN THỰC PHẨM
HEAD OF FOOD TESTING LAB.



Nguyễn Thành Công

TL. GIÁM ĐỐC/ PP. DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM /
HEAD OF TESTING LAB.



Phan Thành Trung

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến. / Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.
2. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written approval of Quatest 3.
3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample and customer are written as customer's request.
4. Độ không đảm bảo do mở rộng ước lượng được tính với $k = 2$, mức tin cậy 95 %. Khách hàng có thể liên hệ theo địa chỉ dưới để biết thêm thông tin.
Estimated expanded uncertainty of measurement with $k = 2$, at 95 % confidence level. Please contact Quatest 3 at the below address for further information.

N/A: không áp dụng.
Not applicable

Head Office: 49 Pasteur, Q1, Hồ Chí Minh City, VIỆT NAM Tel: (84-28) 3829 4274 Fax: (84-28) 3829 3012 Website: www.quatest3.com.vn
Testing: 7 Road 1, Biên Hòa 1 Industrial Zone, Đồng Nai Tel: (84-251) 383 6212 Fax: (84-251) 383 6298 E-mail: tn-cskh@quatest3.com.vn



7. Kết quả thử nghiệm :

Test results

Tên chỉ tiêu <i>Characteristic</i>		Phương pháp thử <i>Test method</i>	Giới hạn phát hiện <i>Limit of detection</i>	Kết quả thử nghiệm <i>Test result</i>
7.1. Hàm lượng chì, <i>Lead content</i>	mg/kg	AOAC 2012 (999.11)	0,006	Không phát hiện <i>Not detected</i>
7.2. Hàm lượng thủy ngân, <i>Mercury content</i>	mg/kg	QTTN/KT3 064:2011	0,015	Không phát hiện <i>Not detected</i>
7.3. Hàm lượng cadimi, <i>Cadmium content</i>	mg/kg	QTTN/KT3 – 083 : 2012	0,02	Không phát hiện <i>Not detected</i>
7.4. Hàm lượng asen tổng số, <i>Total arsenic content</i>	mg/kg	TCVN 8427 : 2010	0,01	Không phát hiện <i>Not detected</i>
7.5. Hàm lượng aflatoxin, <i>Aflatoxin content</i>	µg/kg	AOAC 2012 (991.31)		
• B ₁			0,24	Không phát hiện <i>Not detected</i>
• B ₂			0,10	Không phát hiện <i>Not detected</i>
• G ₁			0,24	Không phát hiện <i>Not detected</i>
• G ₂			0,10	Không phát hiện <i>Not detected</i>
7.6. Hàm lượng aflatoxin B1, <i>Aflatoxin B1 content</i>	µg/kg	AOAC 2012 (991.31)	0,24	Không phát hiện <i>Not detected</i>

QUATEST 3[®]